

Bản tin ATC

Quý I năm 2018

< Cập nhật nhanh những quy định mới nhất liên quan đến doanh nghiệp >



Trong số này:

Văn bản mới

Thông tư 25/2018/TT-BTC sửa đổi một số điều về thuế TNDN, TNCN	1
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập	2
Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	2 - 3

Văn bản hướng dẫn

Xác định tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội	3
Quyết toán thuế thu nhập cá nhân	4
Hoàn thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	4
Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với bia	4
Xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn	5
Một số nội dung về quyết toán thuế TNCN	5
Khấu trừ thuế TNCN với người nước ngoài là cá nhân không cư trú	6
Thuế TNCN khi chấm dứt hợp đồng lao động	6
Thuế TNCN trả thay cho người nước ngoài	7
Chi phí lương tháng 13 cho người lao động	7

Văn bản có hiệu lực từ tháng 4/2018	8
--	----------

Thông tư 25/2018/TT-BTC sửa đổi một số điều về thuế TNDN, TNCN



Ngày 16/03/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 25/2018/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính.

➤ Về thuế thu nhập doanh nghiệp

Sửa đổi, bổ sung một số quy định về các khoản chi được trừ, không được trừ khi tính thuế thu nhập

doanh nghiệp (TNDN), cụ thể:

- Bổ sung thêm các khoản trích khấu hao tài sản cố định không được trừ đối với trường hợp doanh nghiệp nhận chuyển nhượng (một phần vốn hoặc toàn bộ doanh nghiệp).
- Khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động vượt định mức quy định hoặc không ghi cụ thể điều kiện được hưởng trong hồ sơ sẽ không được trừ khi tính thuế TNDN.
- Tăng mức chi được trừ khi tính thuế TNDN đối với các khoản trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động,... lên tối đa 3 triệu đồng/tháng/người; nhưng phải đảm bảo yêu cầu sau:
 - Được ghi cụ thể điều kiện hưởng và mức hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.
 - Doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về nghĩa vụ bắt buộc cho người lao động (kể cả trường hợp nợ tiền bảo hiểm bắt buộc);

➤ Về thuế thu nhập cá nhân

Sửa đổi hướng dẫn liên quan đến thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Cụ thể, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thuộc diện chịu thuế thu nhập cá nhân, bao gồm:

- Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật chứng khoán.
- Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật chứng khoán và Điều 120 của Luật doanh nghiệp.

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/05/2018

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập

Ngày 12/03/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập. Dưới đây là một số điểm nổi bật tại Nghị định:

Trường hợp doanh nghiệp lập không đầy đủ các báo cáo tài chính sẽ bị phạt từ 10 triệu đến 20 triệu đồng.

Ngoài ra, mức phạt đối với tổ chức khi thực hiện các hành vi vi phạm trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính có một số thay đổi cụ thể như sau:

- Không lập báo cáo tài chính theo quy định: phạt tiền từ 20 triệu đến 30 triệu (*hiện nay mức phạt là 10 triệu đến 20 triệu*).
- Thông tin, số liệu công khai báo cáo tài chính sai sự thật: phạt tiền từ 20 triệu đến 30 triệu (*hiện nay mức phạt từ 40 đến 60 triệu*).
- Giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính: phạt tiền từ 40 triệu đến 50 triệu (*hiện nay phạt tiền lên đến 60 triệu*).

Nội dung chi tiết và các quy định khác xem tại Nghị định.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/05/2018, thay thế Nghị định số 105/2013/NĐ-CP ngày 16/09/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập



Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp



Ngày 04/12/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 130/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. Theo đó:

❖ Các đối tượng được miễn phí, lệ phí gồm:

1. Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.
2. Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
3. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
4. Cơ quan nhà nước đề nghị cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước được miễn phí cung cấp thông tin doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp và phí cung cấp thông tin doanh nghiệp lần đầu”.

❖ **Sửa đổi, bổ sung điểm a mục 1 và đ mục 2 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp		
a	Đăng ký thành lập doanh nghiệp, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Đồng/lần	100.000
b	Cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp	Đồng/hồ sơ	50.000
2	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp		
đ	Cung cấp thông tin doanh nghiệp theo tài khoản từ 125 bản/tháng trở lên	Đồng/tháng	4.500.000

Nội dung chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 20/01/2018

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Xác định tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội



Từ ngày 01/01/2018 trở đi, tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không bao gồm các khoản chế độ và phúc lợi khác, như tiền thưởng theo quy định tại Điều 103 Bộ luật lao động, tiền thưởng sáng kiến; tiền ăn giữa ca; các khoản hỗ trợ xăng xe, điện thoại, đi lại, tiền nhà ở, tiền giữ trẻ, nuôi con nhỏ; hỗ trợ khi người lao động có thân nhân bị chết, người lao động có người thân kết hôn, sinh nhật của người lao động, trợ cấp cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các khoản hỗ trợ, trợ cấp khác.

Đối chiếu với quy định nêu trên thì tiền thưởng của người lao động làm việc tại doanh nghiệp (bao gồm tiền thưởng lương tháng thứ 13 và tiền thưởng theo đánh giá kết quả công việc hàng năm) không làm căn cứ để tính đóng bảo hiểm xã hội.

Công văn số 560/LĐTBXH-BHXH ngày 06/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Quyết toán thuế thu nhập cá nhân

- Về địa điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế:

Trường hợp cá nhân có thay đổi nơi làm việc tại tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng có tính giảm trừ gia cảnh cho bản thân thì cá nhân nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế quản lý tổ chức, cá nhân trả thu nhập cuối cùng.

- Về việc xử phạt vi phạm hành chính về nộp chậm tờ khai:

Trường hợp người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế TNCN có phát sinh số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ cho số thuế phát sinh kỳ sau nhưng chậm nộp tờ khai quyết toán thuế theo quy định thì không áp dụng phạt đối với vi phạm hành chính khai quyết toán thuế quá thời hạn.

Công văn số 740/TCT-TNCN ngày 06/03/2018 của Tổng cục Thuế



Hoàn thuế GTGT hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu



Trường hợp Công ty trong kỳ đề nghị hoàn thuế vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ bán trong nước thì Công ty phải hạch toán riêng số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế giá trị gia tăng tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn thuế liền trước đến kỳ đề nghị hoàn thuế hiện tại.

Số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (bao gồm số thuế GTGT đầu vào hạch toán riêng được và số thuế GTGT đầu vào được phân bổ theo tỷ lệ nêu trên) nếu sau khi bù trừ với số thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì Công ty được hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%.

Trường hợp Công ty không có hàng xuất khẩu mà chỉ có hàng tiêu thụ nội địa thì số thuế GTGT còn được khấu trừ từ kỳ trước chuyển sang được trừ khi xác định số thuế GTGT phải nộp của kỳ khai thuế nếu đủ điều kiện khấu trừ theo quy định.

Công văn số 475/TCT-CS ngày 02/02/2018 của Tổng cục Thuế

Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với bia

Trường hợp Công ty sản xuất sản phẩm bia chai và bán cho khách hàng (không có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ, không có mối quan hệ liên kết) thì giá tính thuế TTĐB đối với sản phẩm bia chai là giá do Công ty bán ra, trường hợp giá bán của Công ty bán ra không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường thì thực hiện ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

Trường hợp Công ty sử dụng sản phẩm bia để trao đổi,

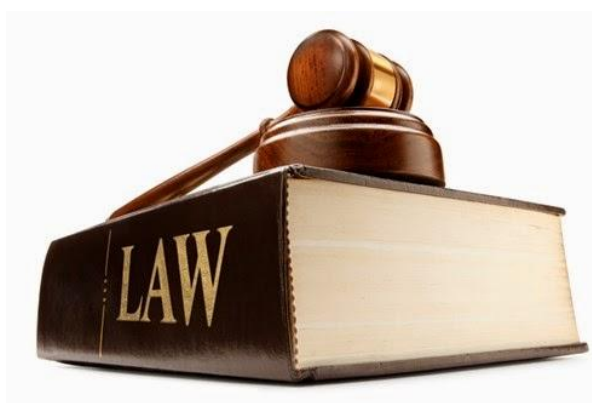


tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại thì Công ty phải kê khai, tính thuế TTĐB đối với các sản phẩm bia này, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt của sản phẩm bia cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho, khuyến mại.

Trường hợp Công ty xuất khẩu bia ra nước ngoài theo hình thức phi mậu dịch để quảng bá tìm kiếm thị trường, phục vụ mục đích cho việc xuất khẩu sau này, nếu không thuộc đối tượng hoặc không đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 195/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015 của Bộ Tài chính thì không thuộc đối tượng không chịu thuế TTĐB.

Công văn số 79/TCT-CS ngày 05/01/2018 của Tổng cục Thuế

Xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn



Trường hợp Công ty đã nhận được Thông báo của cơ quan thuế thông báo hết giá trị sử dụng đối với các hóa đơn đặt in đã phát hành nhưng chưa lập của Công ty và chuyển sang sử dụng hóa đơn mua của cơ quan thuế; Công ty không hủy các hóa đơn đã hết giá trị sử dụng theo Thông báo của cơ quan thuế mà tiếp tục sử dụng các hóa đơn đã hết giá trị sử dụng để giao cho khách hàng; như vậy, Công ty đã có hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và bị xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/09/2013 của Chính phủ.

Trường hợp hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp của Công ty dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm; hành vi trốn thuế, gian lận thuế thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn, Công ty còn bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính.

Công văn số 135/TCT-CS ngày 10/01/2018 của Tổng cục Thuế

Một số nội dung về quyết toán thuế TNCN

❖ Quyết toán thuế

Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một tổ chức trả thu nhập, đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế 10% thì được ủy quyền cho tổ chức trả thu nhập nơi cá nhân ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên quyết toán thuế thay và không phải trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

❖ Điều chỉnh sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế

Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: "Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho ông/bà . . . (theo ủy quyền) tại dòng (số thứ tự) . . . của Phụ lục Bảng kê 05- 1/BK-TNCN" để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.



Cơ quan thuế căn cứ vào nội dung ghi trên chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức trả thu nhập cấp cho cá nhân để thực hiện xử lý quyết toán thuế TNCN của cá nhân.

Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: "Công ty ... đã quyết toán thuế TNCN thay cho ông/bà . . . (theo ủy quyền) tại đồng (số thứ tự) . . . của Phụ lục Bảng kê 05- 1/BK-TNCN" để cá nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

❖ **Về xử phạt vi phạm hành chính thuế**

Trường hợp cá nhân phải trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế có số thuế phải nộp hoặc nộp thêm nhưng quá thời hạn 90 ngày không thực hiện quyết toán thuế thì cơ quan thuế căn cứ vào hành vi vi phạm của cá nhân để xử lý vi phạm pháp luật về thuế theo quy định.

Công văn số 49/TCT-TNCN ngày 04/01/2018 của Tổng cục Thuế

Khấu trừ thuế TNCN với người nước ngoài là cá nhân không cư trú

Trường hợp Công ty ký hợp đồng tư vấn với nhà thầu nước ngoài có trụ sở tại Nhật Bản, nhà thầu nước ngoài cử chuyên gia sang Việt Nam để hỗ trợ tư vấn (là cá nhân không cư trú theo Luật thuế TNCN), nếu chuyên gia nước ngoài đủ điều kiện được miễn thuế TNCN theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Nhật Bản và Việt Nam thì chuyên gia nước ngoài phải lập hồ sơ thông báo miễn, giảm thuế theo Hiệp định đến cơ quan thuế theo quy định tại Khoản 13 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.



Trường hợp cá nhân không đáp ứng điều kiện được miễn thuế TNCN theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Nhật Bản và Việt Nam thì phải kê khai, nộp thuế TNCN theo mức thuế suất toàn phần 20%.

Công văn số 2001/CT-TTHT ngày 15/01/2018 của Cục Thuế TP.Hà Nội

Thuế TNCN khi chấm dứt hợp đồng lao động



Trường hợp doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động (từ 03 tháng trở lên), doanh nghiệp thực hiện trả lương và các khoản hỗ trợ, trợ cấp cho người lao động thì:

- Các khoản tiền trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp và các khoản trợ cấp khác theo quy định của Bộ luật lao động và Luật bảo hiểm xã hội thuộc đối tượng không chịu thuế TNCN.
- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền phụ cấp, trợ cấp chịu thuế TNCN, doanh nghiệp thực hiện khấu

trừ theo biểu lũy tiến từng phần và cấp chứng từ khấu trừ thuế theo yêu cầu của người lao động.

Công văn số 2733/CT-TTHT ngày 18/01/2018 của Cục Thuế TP.Hà Nội

Thuế TNCN trả thay cho người nước ngoài

Trường hợp cá nhân có quốc tịch nước ngoài, được công ty mẹ tại nước ngoài cử sang Việt Nam công tác và bổ nhiệm làm Giám đốc tại Việt Nam, sau đó công ty con của công ty nước ngoài tại Việt Nam ký hợp đồng lao động với cá nhân nước ngoài, trong đó quy định rõ tất cả các khoản thuế thu nhập cá nhân phát sinh từ nguồn thu tại Việt Nam và ở nước ngoài sẽ do công ty con tại Việt Nam chi trả thì khoản chi phí này được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của đơn vị nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.



Công văn số 4881/CT-TTHT ngày 30/01/2018 của Cục Thuế TP.Hà Nội

Chi phí lương tháng 13 cho người lao động



Trường hợp trước năm 2017 kỳ tính thuế TNDN của Công ty áp dụng theo năm dương lịch, đến năm 2017 Công ty lựa chọn chuyển đổi sang năm tài chính từ ngày 01/10 năm này sang 30/09 năm sau, thì kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm chuyển đổi 2017 được tính từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 30/9/2017.

Trường hợp, Công ty có trích trước lương tháng thứ 13 trong năm 2017 nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2017 mà chưa thực hiện chi thì khoản trích trước này không đủ điều kiện hạch toán chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN năm 2017.

Trường hợp đến tháng 01/2018 (thuộc kỳ tính thuế từ 01/10/2017 đến hết 30/09/2018), Công ty có thực hiện chi tiền lương tháng thứ 13 thì Công ty được tính vào chi phí được trừ của năm tài chính thực chi (01/10/2017 đến hết 30/9/2018) đối với khoản chi tiền lương cho người lao động nếu có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

Công văn số 4996/CT-TTHT ngày 30/01/2018 của Cục Thuế TP.Hà Nội

VĂN BẢN CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 4/2018

Thương mại

1. Thông tư 02/2018/TT-BTP về hướng dẫn sử dụng một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành

Ngày hiệu lực: 20/04/2018

Thuế - Phí - Lệ phí

2. Thông tư 22/2018/TT-BTC về sửa đổi Thông tư 299/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá do Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 08/04/2018

Chứng khoán

3. Thông tư 15/2018/TT-BTC quy định về chi phí phát hành, hoán đổi, mua lại, thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 01/04/2018

4. Thông tư 23/2018/TT-BTC về hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành

Ngày hiệu lực: 27/04/2018

Lao động - Tiền lương

5. Nghị định 24/2018/NĐ-CP quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động

Ngày hiệu lực: 15/04/2018

Liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Phụ trách Bản tin:

Ông Lê Thành Công

Tổng Giám đốc
Phụ trách chung

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0913 535 125
Email: lecong@atcf.vn

Ông Phan Thanh Quân

Phó Tổng Giám đốc
Kiểm duyệt nội dung

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0983 61 21 81
Email: quanpt@atcf.vn

Ông Tạ Quốc Huy

Trưởng phòng kiểm toán
Phụ trách biên tập

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0989 204 959
Email: quochuy@atcf.vn

Trụ sở chính:

Tòa nhà ATC, Lô D12, Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel: + 0243 2000 162
Fax: + 0243 2000 163
Website: atcf.vn

Chi nhánh tại Thành phố HCM

Văn phòng đại diện tại: Điện Biên, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Dương

(Thông tin liên hệ trực tiếp với các văn phòng tại website: atcf.vn)

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin khái quát, đây là một trong những hoạt động hỗ trợ khách hàng thường xuyên của ATC. Tuy nhiên, trước khi đưa ra một quyết định hoặc thực hiện một hành động có thể ảnh hưởng đến vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh, người sử dụng tài liệu cần tham vấn chuyên gia của chúng tôi hoặc các chuyên gia (công ty) tư vấn có chuyên môn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

© 2018 ATC Auditing and Valuation Firm Company Limited